Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1509.90.19

Mã HS	1509.90.19
Mô tả hàng hóa	Dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Loại khác: / - - Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:10:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15099019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1907
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1907
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1907
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1902
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1875
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1875
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1875
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1875
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1875
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1875
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1905
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1905

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1905
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1905
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1905
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1905
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1907
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1907
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1907
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1907
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1907
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1907
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1909
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1877
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1877
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1877
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1877
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1877
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1877
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1877
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1875
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1875
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1875
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1875
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1875
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1875
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1916
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1916

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1916
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1916
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1916
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1916
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1915
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1915
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1915
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1915
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1915
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1915
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1921
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1921
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1921
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1921
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1921
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1921
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D1880
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1880
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1880
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1880
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1880
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1880
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D1882
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1882
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1882
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1882

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1882
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1882
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	1,6	CPTPP!D1882
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0,8	CPTPP!E1882
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1882
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1882
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1882
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1882
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1882
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1907
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1907
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1907
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1907
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1907
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1907
RCEP B	2022	2022	0	B!D1907
RCEP B	2023	2023	0	B!E1907
RCEP B	2024	2024	0	B!F1907
RCEP B	2025	2025	0	B!G1907
RCEP B	2026	2026	0	B!H1907
RCEP B	2027	2027	0	B!I1907
RCEP C	2022	2022	0	C!D1907
RCEP C	2023	2023	0	C!E1907
RCEP C	2024	2024	0	C!F1907
RCEP C	2025	2025	0	C!G1907
RCEP C	2026	2026	0	C!H1907

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1907
RCEP D	2022	2022	0	D!D1907
RCEP D	2023	2023	0	D!E1907
RCEP D	2024	2024	0	D!F1907
RCEP D	2025	2025	0	D!G1907
RCEP D	2026	2026	0	D!H1907
RCEP D	2027	2027	0	D!I1907
RCEP E	2022	2022	0	E!D1910
RCEP E	2023	2023	0	E!E1910
RCEP E	2024	2024	0	E!F1910
RCEP E	2025	2025	0	E!G1910
RCEP E	2026	2026	0	E!H1910
RCEP E	2027	2027	0	E!I1910
RCEP F	2022	2022	0	F!D1907
RCEP F	2023	2023	0	F!E1907
RCEP F	2024	2024	0	F!F1907
RCEP F	2025	2025	0	F!G1907
RCEP F	2026	2026	0	F!H1907
RCEP F	2027	2027	0	F!I1907
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F1768
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G1768
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H1768
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I1768

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1509.90 có 4 dòng thuế; dòng 1509.90.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	1509.90.11 Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 30 kg; 1509.90.91 Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 30 kg; 1509.90.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1509.90.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1509.90.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1907), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.